

There are no translations available.

Mũi đây, Bộ GDĐT đã có đợ thợ o vợ cợ chợ tợ chợ giáo dợ c đợ i hợ c đợ i vợ i các trợợ ng công lợ p trình Chính phợ .

Theo đợ thợ o này, cợ chợ tợ chợ sợ áp đợ ng vợ i tợ t cợ các cợ sợ giáo dợ c ĐH công lợ p (trợ các trợợ ng ĐH xuợ t sợ c và hợ thợ ng trợợ ng chính trợ).

Đợ kiợ n sợ có các mợ c hợ c phí khác nhau tùy tợ ng loợ i hình tợ chợ tài chính. Trong đó, loợ i trợợ ng tợ đợ m bợ o chi thợợ ng xuyên và chi đợ u tợ , trợợ ng có quyợ n quyợ t đợ nh mợ c thu hợ c phí theo nguyên tợ c bù đợ p chi phí và có tích lũy hợ p lý.

Điều 5. Học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

1. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 (bỏ cả các cơ sở giáo dục đại học được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để án thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động) như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/máng/năm viên

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2017-2018	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học và kỹ thuật, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản	1.750	1.850	2.050
2. Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	2.050	2.200	2.400
3. Y dược	4.400	4.600	5.050

2. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 như sau:

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học và kỹ thuật, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản	610	670	740	810	890	980
2. Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	720	790	870	960	1.060	1.170
3. Y dược	880	970	1.070	1.180	1.300	1.430

Trích NĐ 86/2015/NĐ-CP vợ mợ c tăng hợ c phí đợ i vợ i trợợ ng tợ chợ toàn diợ n và trợợ ng chợ a tợ chợ .

Đợ c biợ t, đợ i vợ i loợ i trợợ ng tợ đợ m bợ o chi thợợ ng xuyên sợ phợ i áp đợ ng mợ c đóng hợ c phú mợ i đợ phù hợ p vợ i đợ án thợ c hiợ n thí đợ m đợ i mợ i cợ chợ hoợ t đợ ng.

Mợ c hợ c phí cợ thợ áp đợ ng vào năm hợ c 2020-2021 sợ là 2,05 - 5,05 triợ u đợ ng/sinh viên/tháng. Áp đợ ng theo tùy tợ ng nhóm ngành đào tợ o khác nhau.

Nợ u so vợ i mợ c hợ c phí khi chợ a áp đợ ng đợ thợ o trên cợ a Bộ GDĐT, các trợợ ng đợ i hợ c đã tợ chợ tài chính sợ phợ i đóng cao gợ p 2 đợ n 3,5 lợ n so vợ i hiợ n nay (mợ c 980.000 – 1,43 triợ u đợ ng/sinh viên/tháng).

Còn so với học phí trường đại học công lập chẵn lẻ hiện nay 7,4-10,7 triệu đồng/năm học 2017-2018 thì mức học phí trên sẽ tăng gấp 2,8 đến 4,7 lần.

Với trường đại học quy mô nhỏ như một số trường nhỏ bù đắp hoàn toàn các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư, học phí có thể còn cao hơn nữa.

Đối với đề xuất này, nhiều ý kiến cho rằng đây sẽ là giải pháp tạm thời để nâng cao chất lượng đào tạo.

“Việc tạm thời là tạm thời, là thuộc tính của ĐH. Trường không chỉ có tăng học phí, mà còn tạm thời một số học sinh, và một số máy, chất lượng. Tuy nhiên, muốn nâng cao chất lượng, trường ĐH phải có tiền để đầu tư, nên tăng học phí là tạm thời. Nhưng rõ ràng, người học không đóng thì Nhà nước phải hỗ trợ, Nhà nước không chi thì người học phải đóng. Không thì nhà trường lấy đâu kinh phí để đầu tư cho chất lượng giáo dục, trang thiết bị, trường cho giảng viên...” – PGS.TS Trần Văn Trung, Phó Hiệu trưởng ĐH Bách Khoa Hà Nội, bày tỏ quan điểm.

Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra: Trường đang nghĩa vụ với việc tăng học phí, nhưng liệu có thể thu được với tăng chất lượng giáo dục và giảm bớt tình trạng cơ nhân thất nghiệp?

Trong khi, việc tăng học phí chắc chắn sẽ là một gánh nặng với sinh viên nghèo.

Link nguồn:

<https://laodong.vn/giao-duc/hoc-phi-dai-hoc-cong-lap-se-tang-len-50-trieu-dongnam-571744.lido>

ĐANG CHUNG